

NÉT ĐẶC SẮC TRONG SÁNG TẠO VÀ SỬ DỤNG TỪ LÁY CỦA LÊ LUY TRONG "THỜI XA VẮNG"

IDENTITY AS CREATIVE AND USE REPEATEDLY
OF LE LUU IN "THỜI XA VẮNG"

HÀ THỊ CHUYÊN
(ThS; Trường Đại học Tân Trào)

Abstract: Le Luu is the military writer in the anti-American period. He writes short stories and novel, among which "Thời xa vắng" is a representative. His creation and usage of repetition is unique. This article studies the repetition used in the above novel.

Key words: Identity; creative; use repeatedly; Le Luu, "Thời xa vắng".

1. Mở đầu

Từ láy là bộ phận đặc sắc và quan trọng trong vốn từ vựng tiếng Việt và đó là một lớp từ có giá trị đặc biệt. Bản chất của từ láy luôn gắn với cảm thức, cảm giác của người sử dụng. Do vậy trong việc sáng tạo và sử dụng từ láy phụ thuộc rất nhiều vào vốn sống, khả năng cảm thụ cá nhân về thế giới xung quanh của mỗi nhà văn. Lê Lựu xuất thân từ một nông dân chân lấm tay bùn nên trong quá trình cầm bút bản chất thuần nông ấy đã chi phối rất lớn đến sáng tác của ông. Do đó trong cách cảm, cách nghĩ của ông cũng có những điều khác biệt so với các nhà văn thành thị viết về nông thôn. Và chính những yếu tố lạ hóa trong việc sáng tạo và sử dụng từ láy đã góp phần làm nên thành công cho tác phẩm *Thời xa vắng* nói riêng cũng như làm nên phong cách riêng của Lê Lựu nói chung.

2. Nét đặc sắc của từ láy trong "Thời xa vắng"

2.1. Giá trị của từ láy trong cảm nhận về không gian

Lê Lựu viết *Thời xa vắng* theo lối người quê viết chuyện quê nên cách cảm nhận về không gian của ông đã để lại ấn tượng đặc biệt trong lòng người đọc. Những người nông dân hiền lành chất phác cuộc sống của họ bị giới hạn sau lũy tre làng, nên ngoài cây đa, giếng nước sân đình thì ngôi nhà là không gian qua trọng nhất. Bằng con mắt của một người dân quê thực thụ ngôi nhà trong cảm nhận của nhà văn Lê Lựu mang một màu sắc rất riêng. Ví dụ: "Cũng phải nói thêm giữa "nhà dưới" với "nhà trên" chỉ cách nhau một khoảng sân và khách xa về không thể có sự tách biệt nào nhưng "nhà dưới" vẫn là ngôi nhà nghèo khó **tọa tệtch** của làng Hạ Vị lụi lụi ngày xưa" [4, tr. 139]. Ngôi nhà của gia đình cụ đồ Khang

không được miêu tả chi tiết tường vách, mái lợp ra sao mà chỉ khái quát ngắn gọn "*ngôi nhà nghèo khó **tọa tệtch***". Với thành tố *tọa* nhà văn như gợi cho chúng ta như thấy được bề dày lịch sử của ngôi nhà hay đúng hơn là bề dày lịch sử của gia đình cụ đồ Khang. Nhưng với thành tố *tệtch* gợi ra trong tâm trí người đọc về hình ảnh một ngôi nhà xộc xệch, rách nát, dường như mọi thứ chỉ là sự gá lại. Sự kết hợp của hai thành tố tạo nên từ láy *tọa tệtch* có khả năng gợi rất lớn, nó giúp chúng ta cảm nhận ngôi nhà một cách cụ thể hơn. Giả sử nếu không sử dụng từ láy *tọa tệtch* thì chúng ta cũng chỉ cảm nhận chung chung về ngôi nhà của gia đình Sài nghèo khó như bao gia đình khác. Nhưng khi dùng từ láy *tọa tệtch* chúng ta còn thấy được thái độ của nhà văn trước hiện trạng và lịch sử của ngôi nhà ấy.

Vì gắn bó với nông thôn nên từng bờ tre, ngõ xóm đã in sâu vào trong tiềm thức của Lê Lựu, nên những con đường, lối đi đã theo ông vào trang văn. Ví dụ: "*Nhưng hôm nay, giữa bố mẹ, giữa anh chị và chú bác, giữa bạn bè và xóm giềng, giữa cái lối đi quen thuộc và **lầm lụi** từ làng Hạ Vị vào chợ Bái, anh đã lên đường nhập ngũ với sự lặng thinh **lầm lụi***" [4, tr. 68].

Vẫn con đường làng xưa, nhưng hôm nay khi Sài "*lên đường nhập ngũ*" nó lại khác đến vậy "*cái lối đi*" ấy được cảm nhận "*quen thuộc và **lầm lụi***". *Quen thuộc* vì không biết bao nhiêu lần Sài đi qua nhưng hôm nay lại có sự khác biệt hơn mọi ngày là ở sự *lầm lụi*. *Lầm lụi* gợi lên sự u sầu nhò nhò vằn vằn "*âm*" trong thành tố *lầm* mang lại nhưng đồng thời chúng ta cũng cảm nhận được cái khó đi của con đường thông qua thành tố *lụi*. Con đường khó đi hay tâm trạng của người ra đi chưa yên còn nhiều day dứt.

Từ láy *lầm lội* được nhà văn sáng tạo sử dụng không chỉ gợi được không gian mà nó còn diễn tả được tâm trạng của người ra đi.

Người nông xưa nay vốn quen việc cày bừa, nên những sá cày đất đã để lại cho Lê Lựu một nỗi khắc khoải không nguôi. Ví dụ: “*Nó chạy sấp ngửa trên những thửa ruộng mới cày vỡ những sá cày đất gan trâu lật lên như cánh phản rần bóng **nhénh nháng***” [4, tr. 9]. Chúng ta vẫn thường nghe bóng loáng, bóng lộn còn *bóng nhénh nháng* quả là một cách cảm nhận rất riêng của nhà văn. Với khuôn vần /ênh/ gợi không gian rộng, không vững chãi, kết hợp với khuôn vần /ang/ gợi lên sự trải dài. Sự kết hợp của hai khuôn vần này trong từ láy *nhénh nháng* đã đặc tả được độ bóng và sự trải rộng ra xung quanh của những sá cày. Đồng thời nhà văn còn gợi ra một không gian rộng để đối lập lại sự cô đơn nhỏ nhoi của nhân vật Sài.

Lê Lựu vốn là một người lính trải qua chiến trường, đôi chân ông ghi dấu không biết bao nhiêu cánh rừng đê rồi cảm giác bước chân trên những tầng lá mục sẽ mãi là dấu ấn không thể nào phai. Ví dụ: “*Sài xách súng chạy đi các sườn đồi **um tùm** cây gai. Những tầng lá mục dưới chân **phùng phiu** như một chiếc đệm mát, mỗi bước đi người lại thấp xuống*” [4, tr. 162]. Bằng kỉ niệm khó quên của những lần hành quân trong rừng Lê Lựu đã sáng tạo khi sử dụng từ láy *phùng phiu* để diễn tả cảm giác khi bước chân trên tầng lá mục. *Phùng phiu* có lẽ là một cảm giác bùng nhùng, xộp, nhưng trong đó còn có sự rụt rè kèm theo sự thích thú.

Không gian trong cảm nhận của Lê Lựu được thể hiện thông qua việc ông sáng tạo trong sử dụng từ láy. Đó là một không gian cụ thể chân thực của những người từng trải. Những cảm nhận riêng đó một lần nữa khẳng định khả năng quan sát tinh tế và vốn sống phong phú của ông.

2.2. Giá trị từ láy trong cảm nhận về âm thanh

Bản chất của từ láy là sự hòa phối âm thanh nên nó rất gần với cảm giác, đồng thời khi sử dụng thường đi kèm với những đánh giá mang tính chủ quan của người dùng. Nên đứng trước một âm thanh mỗi người sẽ vận dụng vốn sống của mình để dùng từ biểu trưng âm thanh theo một cách riêng. Ví dụ: “*Đêm nào cũng khoảng nửa đêm là ông đồ tỉnh dậy đun nước ỉn tích với và hút thuốc Lào chờ khi nào nghe tiếng gọi ời ời gọi nhau của những người ở xung quanh hoặc tiếng nói oàm oàm như lội nước của vợ chồng nhà Mông là ông chỉ cần hỏi khề khàng: “Bà đồ thức chưa? Dậy uống hùm nước cho ăm bụng” là bà đồ nhồm dậy ngay*” [4, tr. 24]. Tiếng nói *oàm oàm* đây quả là một cảm nhận rất riêng chỉ có ở Lê Lựu. Dựa vào văn cảnh chúng ta có thể cắt nghĩa *oàm oàm* là tiếng nói to, vang. Cách cảm nhận âm thanh của Lê Lựu thật khác người và phải là người sống gần bó sâu nặng với nông thôn thì ông mới có những cảm nhận như vậy.

Những âm thanh trong cuộc sống vốn dĩ rất quen thuộc với mọi người nhưng Lê Lựu lại không theo lối mòn ấy mà ông tri nhận âm thanh theo cách của riêng mình. Ví dụ: “*Chiếc đài Oriontôn của kho câu lạc bộ Hiếu cho mượn, anh khoác chéo qua vai kêu **oam oam**, tiếng to tiếng nhỏ **thập thồm** theo độ xóc của xe trên con đường **mấp mô** chạy qua cánh đồng*” [4, tr. 116]. Âm thanh tiếng đài thường được mô phỏng bằng âm thanh “oang oang” để diễn tả (Âm thanh phát ra) to và vang xa, liên tiếp [1, tr. 428]. Còn Lê Lựu cảm nhận âm thanh của chiếc đài khi phát ra *oam oam*. So với từ láy *oang oang* thì *oam oam* không có độ vang và âm thanh không tròn mà dường như có sự ngắt quãng nó rất phù hợp với bối cảnh con đường mấp mô. Thông qua việc sử dụng từ láy *oam oam* nhà văn Lê Lựu đã chứng tỏ được khả năng cảm nhận âm thanh rất chính xác của mình.

Vì gần bó sâu nặng với nông thôn nên cách cảm, cách nghĩ của những người nông dân đã ăn sâu trong tiềm thức của nhà văn vì

vậy trong cách tư duy của ông cũng mang đậm màu sắc nông dân. Ví dụ: “*Nhờ sương hôm xuống dày đặc, chỉ cách rặng tre chùng dăm chục bước đã thấy mờ mịt, những tiếng ồn ào phía trong vẫn vọng lên, muốn òa tóa theo*” [4, tr. 8]. Nếu dựa vào văn cảnh chúng ta có thể thay thế từ òa tóa bằng từ đuổi. Nhưng khi sử dụng từ òa tóa âm thanh mang thêm sức nặng như tràn ra và đuổi theo bước chạy trốn của Sài. Âm thanh dường như được cảm nhận bằng tâm trạng của người chạy trốn nên có sự cường điệu hơn vì thực tế chỉ là “*những tiếng ồn ào phía trong vẫn vọng lên*”.

Thông qua những từ láy mô phỏng âm thanh chúng ta thấy được trong cảm thức của Lê Lựu âm thanh dường như được cảm nhận chính xác và gần hơn với thực tế. Ngoài ra chúng ta có thể thấy ông sáng tạo từ láy biểu trưng âm thanh chủ yếu theo hướng cảm nhận trong sự đối sánh với những âm thanh có trong đời sống và có xu hướng mở rộng âm hưởng của từ.

2.3. Nông thôn không chỉ hiện lên theo cách riêng của Lê Lựu qua âm thanh, hình ảnh mà còn người cũng được nhà văn đặc biệt chú ý. Ví dụ: “*Còn lúc tự mình làm chủ lấy công việc, làm chủ lấy ruộng đất, làm chủ lấy đời mình thì lại phá ngang ăn nói cháp chững*” [4, tr. 34]. Những người nông dân chân lấm tay bùn hàng ngày vốn quen bị ức hiếp nay được làm chủ cuộc đời mình họ còn biết bao bờ ngổ. Nhà văn Lê Lựu đã khéo léo sử dụng từ láy *cháp chững* để gọi tên cách ăn nói chưa quen ấy của những người nông dân. Ăn nói *cháp chững* là cách ăn nói có thái độ mập mờ, cố ý làm cho không rõ ràng, dứt khoát muốn hiểu thế nào cũng được. Như vậy cùng nội dung ý nghĩa như từ láy *lấp lửng* nhưng khi sử dụng từ láy *cháp chững* chúng ta như mừng tượng được cả tư thế run rẩy, thiếu tự tin của những người nông dân trong buổi đầu làm chủ cuộc đời mình. Kể về những người nông

dân, nhà văn có sự cảm thông đặc biệt nên khi viết về những tật xấu của họ ông luôn nhìn bằng một ánh mắt trù mến. Ví dụ: “*Anh chỉ sợ cô ta là trí thức, người thành phố, nhà mình quê mùa lệt lệt, chị chú là người tốt thật nhưng người cục mịch chêm to kho măn, các cháu thì nhem nhém lúc chị em, thím cháu gặp nhau nó không được thoải mái*” [4, tr. 194]. Cùng trường nghĩa với *nhem nhém* chúng ta có thể kể tới các từ lẩy như *nhem nhuốc*, *lôi thôi*, *luộm thuộm*... Khi sử dụng những từ lẩy cũng trường nghĩa trên chúng ta chỉ cảm nhận được cái nhìn khách quan. Còn nếu dùng từ *nhem nhém* chúng ta thấy được cả sự lôi thôi, luộm thuộm nhưng hàm chứa trong đó không phải là cái nhìn vô cảm mà là cái nhìn cảm thông.

Những em bé nông thôn luôn gợi nhớ trong Lê Lựu những năm tháng tuổi thơ yên bình. Nên trong những trang văn của ông hình ảnh những em bé luôn được ông ghi lại với một sự ưu ái riêng. Ví dụ:

“*Ba bốn chục đứa trẻ, đứa công em trên lưng, đứa bé ở nách, có đứa bé ở bụng, đứa mặc áo vệ sinh, áo bộ đội của người lớn dài quá đầu gối, đứa lại mặc quần thất dài đứt lên đến ngang ngực vẫn phải bện lên mà vẫn lòa xòa trườn xuống bàn chân như cái chổi quét nhà. Mặt mũi đứa nào cũng ngoen nguếch đầy mực*” [4, tr. 117]. Khuôn vắn /oen/ chúng ta có thể gặp trong từ như hoen ố. Còn khuôn vắn /uếch/ chúng ta có thể gặp trong từ nguếch ngoác. Sự kết hợp của hai khuôn vắn tạo nên từ láy *ngoen nguếch* có lẽ gợi lên hình ảnh những em bé có khuôn mặt lấm lem nhưng vẫn có nét của sự ngây ngô tinh nghịch. So với từ lấm lem từ *ngoen nguếch* tuy cùng trường nghĩa nhưng nó có khả năng gợi cao hơn hẳn. Đằng sau sự đặc tả những đứa trẻ chúng ta cảm nhận được tấm lòng nhân ái thương cho những em bé quê mùa vât vả của nhà văn.

Bằng cảm thức của một người dân quê thực sự Lê Lựu đã sáng tạo khi sử dụng

những từ láy để diễn tả chân thực những người nông dân. Những từ láy ấy chỉ những người sống gắn bó máu thịt với nông thôn mới có thể sử dụng và nó đã trở thành một phần không thể thiếu trong con người của nhà văn.

3. Kết luận

Việc sáng tạo và sử dụng từ láy một cách có ý thức trong *Thời xa vắng* giúp nhà văn miêu tả chính xác, chân thực không gian, con người nông thôn, cụ thể hóa những cảm xúc, tri nhận của mình, làm cho ngôn ngữ trong tác phẩm gần với cuộc sống thường nhật hơn. Qua đó góp phần làm nên cái *thật* cho tác phẩm *Thời xa vắng* nói riêng cũng như các sáng tác khác của Lê Lựu nói chung. Không những thế từ láy còn là chất liệu để nhà văn ghi lại cuộc sống theo cảm thức riêng của mình. Đó là một yếu tố lạ hóa tạo nên sức hút vô hình kéo độc giả ở lại lâu hơn bên trang văn của ông. Đồng thời qua đó cũng khẳng định tài năng và óc quan sát tinh tế của Lê Lựu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Hành, Hà Quang Năng, Nguyễn Văn Khang, Phạm Hùng Việt, Nguyễn Công Đức (1994), *Từ điển từ láy tiếng Việt*. Nxb GD.
2. Phan Văn Hoàn (1991), *Bước đầu tìm hiểu sự hoạt động của từ láy trong văn học*, Tạp chí khoa học ĐHTH Hà Nội (số 6).
3. Trần Đăng Khoa (1999), *Chân dung và đối thoại*, Nxb Thanh niên.

4. Lê Lựu (2002), *Thời xa vắng*, Nxb GD.

5. Nguyễn Phú Phong (1977), *Vấn đề từ láy trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ (số 2).

6. Đào Thản (1970), *Những đặc điểm của từ láy tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ (số 1).

7. Hoàng Tuệ (1978), *Về những từ gọi là từ láy trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ (số 3).

8. Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ láy những vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb KHXH Hà Nội.

HỢP THƯ

Trong tháng 1/2015, **NN & ĐS** đã nhận được thư, bài của các tác giả: Trần Thị Phương Thu, Trương Thị Mai, Đoàn Thị Thu Hà, Phạm Thị Hương Quỳnh, Nguyễn Thị Trà My, Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Kim Cúc, Quách Thị Bích Thủy, Vũ Linh Chi, Văn Thị Thanh Bình-Đỗ Thị Mai Thanh, Đào Thị Phương, Bùi Hiền, Lê Quang Thiêm, Nguyễn Văn Thạo (Hà Nội); Nguyễn Thị Phụng (Hải Dương); Lê Thị Thúy Hà (Bắc Ninh); Hà Thị Chuyên (Tuyên Quang); Mai Thị Hảo Yến (Thanh Hóa); Trần Văn Sáng (Huế); Hoàng Công Bình (Nha Trang); Nguyễn Thế Truyền, Trương Văn Vỹ (TPHCM); Huỳnh Thị Bích Vân (Trà Vinh).

Tòa soạn **NN & ĐS** xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS